

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/HNGĐ – ST

Ngày 30 tháng 7 năm 2018

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi
ly hôn giữa anh N và chị H*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Mai;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Mạnh Quỳ;

Ông Hoàng Mạnh Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tân Khải Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Đinh Xuân Tiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2018/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2018 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2018/QĐST – HNGĐ ngày 04/7/2018, giữa:

Nguyên đơn: Anh Hà Nhân N, sinh ngày 13/12/1990 (có mặt);

Địa chỉ: Khu 3, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn: Bà Đinh Thị H – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ theo quyết định số: 94/QĐ – TGPL ngày 28/3/2018. (có mặt)

Bị đơn: Chị Đào Thị Thu H, sinh ngày 20/12/1991 (vắng mặt);

Nơi ĐKNKTT: Khu 3, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Chỗ ở hiện nay: Khu L, xã Th, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/3/2018 cùng những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay, Nguyên đơn anh N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H chung sống như vợ chồng từ năm 2010. Ngày 31/5/2011, anh chị đã đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị ở riêng tại khu 3, xã T. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị H không tu chí làm ăn, nhiều lần bỏ nhà đi.

Đến cuối năm 2015, chị H đã chuyển hẳn về nhà mẹ đẻ ở khu L, xã Th sinh sống. Anh, chị đã ly thân, chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng từ thời điểm đó đến nay. Vợ chồng đã được hai bên gia đình, khu dân cư hòa giải, khuyên bảo nhiều lần nhưng mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn. Hiện tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện T cho anh ly hôn với chị H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh chị có 02 (hai) con chung là cháu Hà Đào G, sinh ngày 20/11/2001 và cháu Hà Ngọc S, sinh ngày 29/01/2014. Khi ly hôn, anh xin nuôi con chung và không yêu cầu chị H phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn, chị Đào Thị Thu H: Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng chị H đều vắng mặt. Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các biện pháp xác minh, thu thập chứng cứ, tại biên bản lấy lời khai ngày 24 tháng 4 năm 2018, bà Hà Thị Kim L là mẹ đẻ của chị H, bà L cho biết:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh N có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Trong cuộc sống vợ chồng anh, chị đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hợp dẫn đến bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay, hai bên chung sống không có hạnh phúc, vì vậy, anh N xin ly hôn, gia đình đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh N.

Về con chung: Bà L xác nhận vợ chồng anh N, chị H có con chung như anh N trình bày là đúng. Bà L đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh N về việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của vợ chồng anh, chị khi ly hôn.

Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng anh N, chị H:

Bà L đồng ý với quan điểm của anh N về việc không yêu cầu Tòa án giải quyết các quan hệ này.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của anh N, cho anh N được ly hôn chị Đào Thị Thu H. Giao cho anh N được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung đến khi thành niên, anh N không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, Nguyên đơn đã chấp hành là đúng quy định của pháp luật;

Bị đơn chấp hành chưa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Anh N và chị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống chung vợ chồng hai bên không hòa thuận, hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh N và chị H là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh N.

Về con chung: Đề nghị áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình giao cháu G và cháu S cho anh N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con vì anh N không yêu cầu.

Đối với quan hệ về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

Về án phí dân sự, anh N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về pháp luật tố tụng: Anh N có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ giải quyết ly hôn chị H. Căn cứ khoản 1, Điều 28 và điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H được Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng đều cố ý trốn tránh, vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xác định vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1, Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự và quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị H vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện T xét xử vắng mặt chị H.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Ngày 31/5/2001, anh N và chị H đã đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn dẫn đến anh, chị đã ly thân từ cuối năm 2015 cho đến nay.

Để làm rõ tình trạng hôn nhân giữa anh N và chị H, ngày 04/6/2018, Tòa án nhân dân huyện T đã chủ trì buổi làm việc, lấy ý kiến của chính quyền địa phương, các đoàn thể nơi Nguyên đơn và Bị đơn cư trú. Chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể đều thống nhất ý kiến:

- Giữa anh N và chị H tồn tại mâu thuẫn, vợ chồng đang sống ly thân;
- Mâu thuẫn giữa vợ chồng anh N, chị H là trầm trọng. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh N và chị H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung thực tế đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh N, cho anh N được ly hôn chị H là phù hợp khoản 1, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh N, chị H có 02 (hai) con chung là cháu Hà Đào G, sinh ngày 20/11/2001 và cháu Hà Ngọc S, sinh ngày 29/01/2014. Khi ly hôn, anh N xin được nuôi các con chung và không yêu cầu chị H phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với yêu cầu này, Hội đồng xét xử thấy:

- Trong Biên bản làm việc ngày 04/6/2018, chính quyền địa phương và các tổ chức đoàn thể nơi anh N, chị H cư trú đều thống nhất. Khi ly hôn, đề nghị Tòa án giao con chung cho anh N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên;
- Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, chị H cố ý vắng mặt tại Tòa án, chưa cung cấp được cho Tòa án các chứng cứ chứng minh điều kiện cần thiết để được Tòa án xem xét giao con cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng.

Bởi vậy, nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho cháu G, cháu S. Đồng thời, giúp các cháu có điều kiện phát triển tốt nhất về tinh thần và thể chất, Hội đồng xét xử giao các cháu cho anh N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, chị H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định của Điều 81 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Khi anh N, chị H có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con thì anh, chị được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc khác theo quy định của pháp luật.

[4]. Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Tại đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án anh N đều không đề nghị Tòa án giải quyết các quan hệ nêu trên. Chị H vắng mặt, không có lời khai cũng như yêu cầu về các quan hệ này. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của anh N là phù hợp.

Khi anh N, chị H có yêu cầu giải quyết về chia tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức của vợ chồng thì anh chị có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc khác.

[5]. Về án phí: Anh N là Nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Về quyền kháng cáo: Anh N, chị H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1, Điều 28, điểm a, khoản 1, Điều 35, khoản 4, Điều 147, khoản 1, điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a, khoản 5, Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Cho anh Hà Nhân N được ly hôn chị Đào Thị Thu H.
- *Về nuôi con chung:* Giao cháu Hà Đào G, sinh ngày 20/11/2001 và cháu Hà Ngọc S, sinh ngày 29/01/2014 cho anh N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên; chị H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung; chị H có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cấm, cản trở. Khi anh, chị có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc khác.
- *Về Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng:* Không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Khi anh, chị có yêu cầu giải quyết về các quan hệ nêu trên thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ, việc khác.
- *Án phí dân sự sơ thẩm:* Anh N phải nộp 300.000 VNĐ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm. Xác nhận anh N đã nộp 300.000 VNĐ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số: AA/2017/0002353 ngày 27/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ. Nay được chuyển thành án phí.
- *Về quyền kháng cáo:* Anh N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Chị H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Mai